TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 5 · Đề số 25

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Trong số thập phân 335,015, chữ số 1 thuộc hàng nào?

A. hàng phần nghìn **B.** hàng chục

C. hàng phần mười **D.** hàng phần trăm

Câu 2. *(0,5 điểm)* Trong bốn số thập phân dưới đây, số lớn nhất là:

A. 5,569 **B.** 5,9 **C.** 5,55 **D.** 5,47

Câu 3. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 129,948 đến số tự nhiên gần nhất ta được:

A. 129 **B.** 132 **C.** 130 **D.** 129,9

Câu 4. *(0,5 điểm)* 49,54 × 0,1 = …….

A. 4954 **B.** 495,4 **C.** 49 540 **D.** 4,954

Câu 5. *(0,5 điểm)* Một sợi dây dài 32,58 m, sợi dây thứ hai dài hơn sợi dây thứ nhất 17,5 m. Cả hai sợi dây dài:

A. 50,08 m **B.** 82,56 m **C.** 82,66 m **D.** 47,66 m

Câu 6. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép tính 13/9 × 1/2 (viết dưới dạng phân số tối giản) là:

A. 13/11 **B.** 13/18 **C.** 26/9 **D.** 13/9

Câu 7. *(0,5 điểm)* 26 ha = ……. m²

A. 26 000 **B.** 2600 **C.** 2 600 000 **D.** 260 000

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình tròn có bán kính 7 cm. Diện tích hình tròn là:

A. 153,86 cm² **B.** 43,96 cm² **C.** 615,44 cm² **D.** 21,98 cm²

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Cho các số thập phân: 28,096; 28,2; 28,771; 28,156; 28,76.

a) Số bé nhất là: …….

b) Số lớn nhất là: …….

c) Khi xếp theo thứ tự từ bé đến lớn, số đứng thứ ba là: …….

d) Tổng của số lớn nhất và số bé nhất: …….

Câu 10. *(1 điểm)* Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 72 đơn vị, 5 phần mười, 1 phần trăm, 1 phần nghìn viết là: …….

b) Phân số 1/8 viết dưới dạng số thập phân: …….

c) Hỗn số 6 19/100 viết dưới dạng số thập phân: …….

Câu 11. *(1 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện:

a) $2,5 \times 13,65 \times 4 =$ ……

b) $3,98 \times 4,6 + 3,98 \times 5,4 =$ ……

c) $45,9 + 25,9 + 1,1 + 0,1 =$ ……

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 2 m 6 cm = …… m

b) 6 kg 80 g = …… kg

c) 8 ha = …… m^2

d) 6300 m^2 = …… ha

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3,14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 7 cm: …… cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 7 cm: …… cm^2

c) Chu vi hình tròn đường kính 38 dm: …… dm

Câu 14. *(1 điểm)* Một tổ may cắt 4 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 2,2 m vải. Giá mỗi mét vải là 80 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: …… m

b) Số tiền phải trả: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 5 · Đề số 25

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	B	C	D	C	B	D	A

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

Xếp từ bé đến lớn: 28,096 < 28,156 < 28,2 < 28,76 < 28,771

a) 28,096

b) 28,771

c) 28,2

d) 28,771 + 28,096 = 56,867

Câu 10.

a) 72,511

b) 1/8 = 125/1000 = 0,125

c) 6,19

Câu 11.

a) (2,5 × 4) × 13,65 = 10 × 13,65 = 136,5

b) 3,98 × (4,6 + 5,4) = 3,98 × 10 = 39,8

c) (45,9 + 1,1) + (25,9 + 0,1) = 47 + 26 = 73

Câu 12.

a) 2,06

b) 6,08

c) 80 000

d) 0,63

Câu 13.

a) 7 × 2 × 3,14 = 43,96

b) 7 × 7 × 3,14 = 153,86

c) 38 × 3,14 = 119,32

Câu 14.

Số vải: 2,2 × 4 = 8,8 (m)

Số tiền: 80 000 × 8,8 = 704 000 (đồng)